

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch tài chính năm 2016

Dự án: Phát triển cơ sở hạ tầng thủy lợi Bình Định và Hưng Yên

Dự án thành phần: Hệ thống kênh tưới Thượng Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Thỏa ước tín dụng số CVN 1160 01C và Thỏa ước tài trợ số CVN 1160 02D ngày 10/02/2015 ký kết giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cơ quan phát triển Pháp;

Căn cứ Nghị định số 38/2013/NĐ-CP ngày 23/4/2013 của Chính phủ về việc quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ;

Căn cứ Thông tư số 218/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý tài chính đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vay ưu đãi nước ngoài của các nhà tài trợ;

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BKHĐT ngày 09/01/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 38/2013/NĐ-CP ngày 23/4/2013 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 04/6/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình và phê duyệt Kế hoạch đầu thầu xây dựng Tiểu dự án Hệ thống kênh tưới Thượng Sơn;

Căn cứ Quyết định số 2144/QĐ-UBND ngày 23/6/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch tổng thể từ năm 2015 đến năm 2019 Tiểu dự án Hệ thống kênh tưới Thượng Sơn;

Căn cứ Quyết định số 134/QĐ-UBND ngày 18/01/2016 của UBND tỉnh về việc Giao chi tiết kế hoạch đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương năm 2016;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 872/TTr-SNN ngày 29/3/2016 và báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 97/BC-SKHĐT ngày 01/4/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch tài chính năm 2016 dự án Phát triển cơ sở hạ tầng thủy lợi Bình Định và Hưng Yên - Dự án thành phần Hệ thống kênh tưới Thượng Sơn, tỉnh Bình Định với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Phát triển cơ sở hạ tầng thủy lợi Bình Định và Hưng Yên.

Tên dự án thành phần: Hệ thống kênh tưới Thượng Sơn.

2. Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bình Định.

Đại diện chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án thủy lợi Bình Định.

3. Kế hoạch tài chính năm 2016:

Tổng kinh phí thực hiện dự án năm 2016: **116.555.000.000 đồng**

(Một trăm mười sáu tỷ, năm trăm năm mươi lăm triệu đồng)

Trong đó:

- Kế hoạch rút vốn ODA (Vay AFD) : 70.850.000.000 đồng;
- Kế hoạch rút vốn ODA (AFD viện trợ) : 2.127.000.000 đồng;
- Kế hoạch rút vốn ODA (Quỹ FERC viện trợ): 1.814.000.000 đồng;
- Kế hoạch rút vốn đối ứng : 41.764.000.000 đồng;

Trong đó:

- + Ngân sách tỉnh : 21.000.000.000 đồng;
- + Ngân sách huyện Tây Sơn : 20.764.000.000 đồng.

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm).

4. Nguồn vốn: Vốn vay ODA và vốn đối ứng.

5. Thời gian thực hiện: Năm 2016.

6. Phương thức thực hiện: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý, tổ chức thực hiện.

7. Nội dung khác: Chủ đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện về việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình theo các quy định hiện hành của Nhà nước và nhà tài trợ.

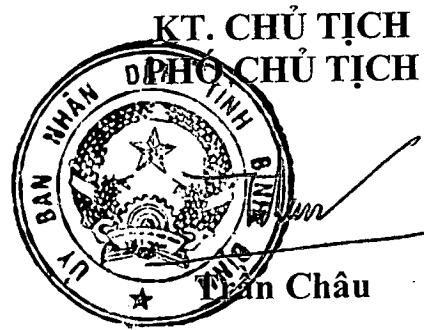
Điều 2. Chủ đầu tư (Sở Nông nghiệp và PTNT) có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước và nhà tài trợ.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Tây Sơn, Giám đốc Ban Quản lý dự án Thủy lợi tỉnh

Bình Định và Thủ trưởng các Sở, ban đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVPNN;
- Lưu: VT, K10 (14b)



KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2016
DỰ ÁN: PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG THỦY LỢI BÌNH ĐỊNH VÀ HUNG YÊN
TIÊU DỰ ÁN: HỆ THỐNG KÊNH THƯỢNG SƠN
 (Kèm theo Quyết định số: **1333** /QĐ-UBND ngày **22** /4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng kế hoạch vốn						Lũy kế giải ngân đến 31/12/2015						Kế hoạch giải ngân năm 2016					
		Tổng cộng	Vốn theo hiệp định vay				QUỸ FERC	Tổng cộng	Vốn theo hiệp định vay				QUỸ FERC	Tổng cộng	Vốn theo hiệp định vay				QUỸ FERC
			Tổng số	Vay AFD	Viện trợ (AFD)	Vốn đối ứng			Tổng số	Vay AFD	Viện trợ (AFD)	Vốn đối ứng			Tổng số	Vay AFD	Viện trợ (AFD)	Vốn đối ứng	
	Tổng cộng:	432.475	428.275	299.929	5.199	123.147	4.200	7.419	7.419	0	0	7.419	0	116.555	114.741	70.850	2.127	41.764	1.814
I	Xây lắp và thiết bị	311.930	311.930	235.939	0	75.991	0	0	0	0	0	0	0	59.762	59.762	53.786		5.976	
II	Đền bù tái định cư	35.128	35.128			35.128		2.495	2.495			2.495		32.634	32.634			32.634	
III	Chi phí quản lý dự án	3.712	3.712			3.712		1.700	1.700			1.700		466	466			466	
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	23.337	19.137	9.182	4.500	5.455	4.200	3.200	3.200	0	0	3.200	0	8.281	6.467	3.902	1.871	694	1.814
1	Nghiên cứu dự án khả thi bổ sung		0																
2	Nâng cao năng lực quản lý (PIM)	4.200	4.200		3.122	1.078								1.495	1.495		1.316		179
3	Báo cáo đánh giá tác động môi trường-xã hội	416	416		416														
4	Giám sát môi trường	861	861		861									216	216		194		
5	Tư vấn kiểm tra đền bù, tái định cư	100	100		100									401	401		361		
6	Khảo sát địa hình giai đoạn DAĐT	2.126	2.126			2.126		2.934	2.934			2.934							
7	Khảo sát địa chất giai đoạn DAĐT	189	189			189													
8	Chi phí lập dự án đầu tư	652	652			652													
9	Khảo sát địa hình giai đoạn TKBVTC	1.315	1.315	1.203		112		266	266			266		3.664	3.664	3.280		384	
10	Khảo sát địa chất giai đoạn TKBVTC	958	958	879		80													
11	Lập thiết kế bản vẽ thi công	4.978	4.978	4.510		468													
12	Tư vấn quốc tế hỗ trợ thiết kế công trình điều tiết	2.100	0				2100							1.814					1.814
13	Tư vấn quốc tế hỗ trợ mô hình phân phối nước	2.100	0				2100												



Handwritten signature/initials

TT	Nội dung	Tổng kế hoạch vốn					Luỹ kế giải ngân đến 31/12/2015					Kế hoạch giải ngân năm 2016							
		Tổng cộng	Vốn theo hiệp định vay				QUỸ FERC	Tổng cộng	Vốn theo hiệp định vay				QUỸ FERC	Tổng cộng	Vốn theo hiệp định vay				QUỸ FERC
			Tổng số	Vay AFD	Viện trợ (AFD)	Vốn đối ứng			Tổng số	Vay AFD	Viện trợ (AFD)	Vốn đối ứng			Tổng số	Vay AFD	Viện trợ (AFD)	Vốn đối ứng	
14	Thẩm tra thiết kế BVTC	175	175			175													
15	Thẩm tra tổng dự toán	168	168			168													
16	Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu	138	138			138													
17	Giám sát thi công xây dựng	2.861	2.861	2.590		271						691	691	622			69		
V	C hi phí khác	8.052	8.052	5.520	699	1.833	24	24			24	15.412	15.412	13.162	256		1.994		
1	Thẩm định dự án đầu tư	35	35			35	24	24			24								
2	Giám sát đánh giá đầu tư	742	742			742													
3	Lệ phí thẩm định kết quả trúng thầu	28	28			28													
4	Rà phá bom mìn	4.000	4.000	3.600		400						12.599	12.599	11.339			1.260		
5	Bảo hiểm công trình	2.114	2.114	1.920		195						2.528	2.528	1.823			705		
6	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	432	432			432													
7	Chi phí kiểm toán công trình	699	699		699							285	285		256		29		
8	Kiểm toán BCTC		0																
VI	Dự phòng	50.316	50.316	49.288		1.028	0	0				0	0						

